

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG FLC

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2802404931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh
Hóa cấp lần đầu ngày 20/05/2016 và thay đổi lần thứ tư ngày 17/10/2018)*

Địa chỉ: Thôn Châu Tử, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc,

Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại: (84)-378.860.866

Website: www.fcmvn.com

Phụ trách công bố thông tin: Ông Lâm Đức Toàn

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (84)-378.860.866

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	2
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	2
2. Cơ cấu tổ chức công ty	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	13
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông hiện nay.....	16
5. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên danh, liên kết	17
6. Hoạt động kinh doanh.....	18
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2017 - 2018.....	20
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	20
9. Chính sách đối với người lao động.....	30
10. Chính sách cổ tức.....	32
11. Tình hình tài chính.....	32
12. Tài sản.....	35
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.	36
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...).	39
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.	39
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có).	40
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	41
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.....	41
2. Ban kiểm soát	43
3. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.	44
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	47
III. PHỤ LỤC.....	48

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

a) Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng FLC, tiền thân là Công ty Cổ phần Gạch Tuynel – Đồ Lèn Hậu Lộc, được thành lập vào tháng 5 năm 2016 và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802404931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2016 và thay đổi lần thứ tư ngày 17 tháng 10 năm 2018.
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng FLC là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi trong chiến lược phát triển của công ty là sản xuất kinh doanh hàng vật liệu xây dựng chịu lửa công nghệ cao trọng tâm là sản phẩm gạch tuynel, hướng tới bảo vệ môi trường, cung cấp cho công trình nhà ở dân sinh, khu vực công trình công cộng cao tầng và những công trình đòi hỏi độ bền cao, công trình khu vực ven biển để tăng cường độ chịu gió và mặn....
- Nhà máy gạch Tuynel của Công ty khởi công vào năm 2016, với tiến độ xây dựng nhanh chóng nên chỉ trong 4 tháng đã hoàn thành cặp lò nung sấy thứ nhất và sau 10 tháng tức đầu tháng 5/2017 đã hoàn thành cả hai cặp lò nung sấy và một hệ chế biến, đạt công suất 60 triệu viên gạch/năm.
- Nhà máy gạch Tuynel công nghệ cao của công ty có hệ chế biến tạo hình tự động, cặp lò nung sấy cho phép công ty chủ động sản xuất được sản phẩm ngay cả trong thời tiết mưa gió ít phụ thuộc vào thời tiết. Có thể sản xuất hàng loạt gạch đặc theo dây chuyền tự động khép kín. Nguyên liệu để sản xuất gạch là đất đồi và than

xít (Than vữa nhiệt thấp) được đặt tại Thanh hóa để tận dụng vùng nguyên liệu đất đồi phong phú. Nhà máy đã đi vào sản xuất ngay từ tháng 1/2017 cho ra sản phẩm gạch chất lượng cao, Gạch tuynel của Công ty được Viện Quản lý chất lượng thí nghiệm Việt Nam đánh giá kết quả cường độ chịu lực đạt rất cao, trên 190 Newton. Sản phẩm gạch đặc của công ty nổi tiếng với mẫu mã đẹp, cường độ chịu lực cao, giá cả thấp nên được thị trường Thanh hóa, Nghệ an, Hà tĩnh và Quảng Bình đón nhận và tiêu thụ rất tốt. Trong những tháng cao điểm của mùa xây dựng cầu cao hơn cung. Việc vận chuyển gạch tới các tỉnh miền trung được công ty liên kết với hội lái xe tải đường dài để tận dụng chuyển hàng 2 chiều nên giá cực rẻ.

- Nhận thấy tiềm năng của thị trường gạch đặc tại miền Trung, Công ty đã đầu tư mua lại trên 20% Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum để cung ứng cho các tỉnh Bình định, , Đà nẵng và Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú yên, Nha trang.
- Bên cạnh đó, với việc nắm vững nhu cầu thị trường tại các tỉnh trong cả nước, công ty đã thực hiện hợp tác kinh doanh với các nhà máy gạch tại hà Nam, Nam định, Hòa Bình để làm thương mại cung ứng gạch cho các dự án xây dựng tại Hà Nội, Thái Bình.
- Cũng trong năm 2018, Công ty đã mở rộng và tận dụng cơ hội thị trường xuất khẩu nông sản với nguồn cung ổn định và dòng khách lớn, Công ty đã phát triển thêm hoạt động kinh doanh thương mại các mặt hàng nông phẩm, hướng tới hỗ trợ các hộ nông dân tiêu thụ nông lâm sản, đồng thời đạt hiệu quả cao trong việc quản lý dòng vốn kinh doanh.
- Công ty định hướng tập trung quản lý nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh thông qua (1) Nâng cao năng suất và tiết giảm chi phí dư thừa trong hoạt động sản xuất, (2) Mở rộng thị trường và đa dạng hóa sản phẩm vật liệu xây dựng đáp ứng cho nhu cầu thị trường ngày một lớn.

b) Quá trình thay đổi vốn điều lệ

Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Phương thức
Tháng 05 năm 2016	50.000.000.000	Thành lập doanh nghiệp
Tháng 10 năm 2016	60.000.000.000	Góp vốn của cổ đông hiện hữu
Tháng 08 năm 2018	92.000.000.000	Góp vốn của cổ đông hiện hữu
Tháng 10 năm 2018	138.000.000.000	Góp vốn của cổ đông hiện hữu

1.2 Giới thiệu về công ty

- Tên Tiếng Việt : Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng FLC
- Tên Tiếng Anh : FLC Construction Material Joint Stock Company.
- Tên Giao dịch : FLC Construction Material JSC.
- Biểu tượng Công ty :



- Trụ sở chính : Thôn Châu Tử, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
- Điện thoại : (84)-378.860.866
- Website : www.fcmvn.com
- Vốn điều lệ hiện : 138.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ đồng), tương đương 13.800.000 cổ phần (Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng)
- Ngành nghề hoạt động kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và	4620

STT	Tên ngành	Mã ngành
	động vật sống	
2	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
3	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
4	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
5	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
6	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
7	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
8	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	C23910 (Chính)
9	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
10	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
11	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
12	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
13	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
14	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

STT	Tên ngành	Mã ngành
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp; anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh (Không bao gồm ngành nghề kinh doanh Nhà nước cấm)	4669
16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; sản phẩm gỗ sơ chế; sơn và véc ni; vật liệu xây dựng, cát, sỏi; giấy dán tường và phủ sàn; đồ ngũ kim và khóa; thiết bị vệ sinh, bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663
17	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
18	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
19	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (trừ vàng, uranium)	2420
20	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
21	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
22	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
23	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
24	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ); xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;	2599

STT	Tên ngành	Mã ngành
	dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết khác; dây cáp kim loại các điện hoặc không cách điện.	
25	Phá dỡ	4311
26	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
27	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
28	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
29	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ thiết bị thu phát sóng)	4652
30	Chuẩn bị mặt bằng	4312
31	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
32	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, ô tô vận tải	4511
34	Quảng cáo	7310
35	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm và các dịch vụ có liên quan	8230

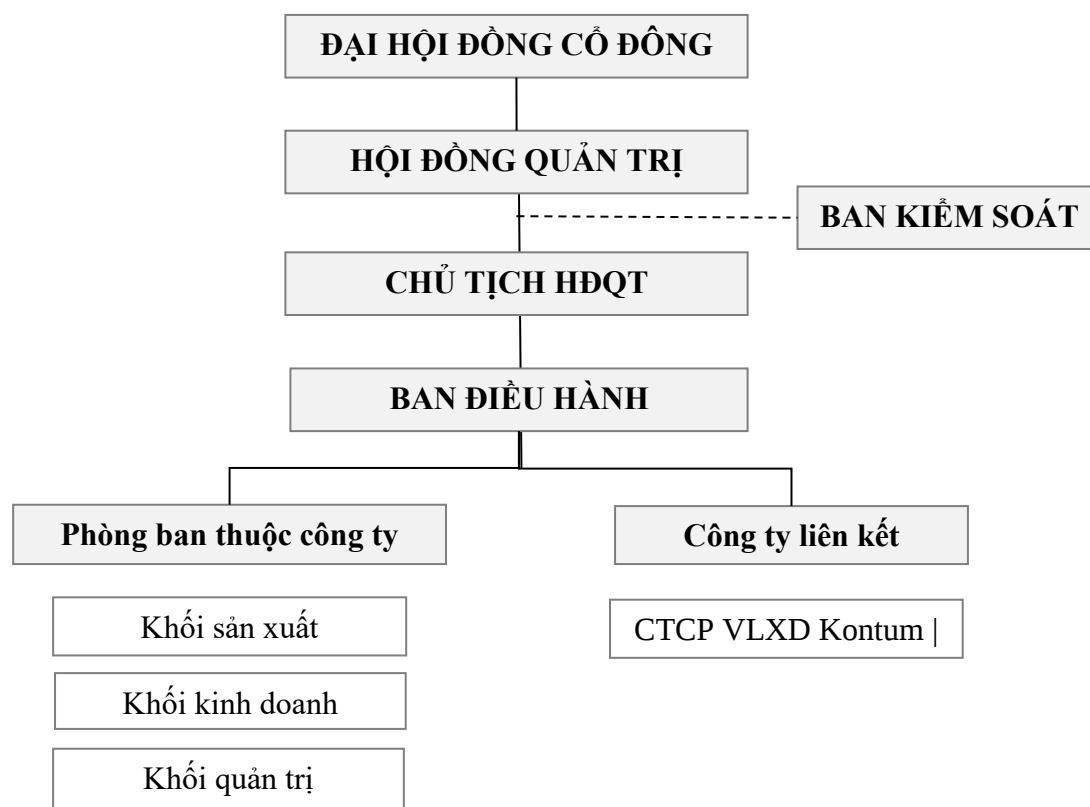
STT	Tên ngành	Mã ngành
36	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
37	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
38	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội	4634
39	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí (trừ nhà nước cấm)	9329
40	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
41	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
42	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
43	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
44	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội	4724
45	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
46	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
47	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
48	Bán buôn tổng hợp	4690

STT	Tên ngành	Mã ngành
49	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
50	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
51	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội)	4764
52	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
53	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người)	4772
54	Cho thuê xe có động cơ	7710
55	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị khác dùng trong mạch điện; máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
56	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
57	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
58	Lắp đặt hệ thống điện	4321

STT	Tên ngành	Mã ngành
59	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
60	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
61	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
62	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
63	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
64	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
65	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
66	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
67	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
68	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
69	Xây dựng nhà để ở	4101
70	Bán lẻ ô tô con (loại 09 chỗ ngồi trở xuống)	4512
71	Xây dựng công trình đường sắt	4211

STT	Tên ngành	Mã ngành
72	Xây dựng nhà không để ở	4102
73	Xây dựng công trình đường bộ	4212
74	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
75	Xây dựng công trình công ích khác	4229
76	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
77	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
78	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô, gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy	5225
79	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
80	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
81	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
82	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
83	Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật	Ngành nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

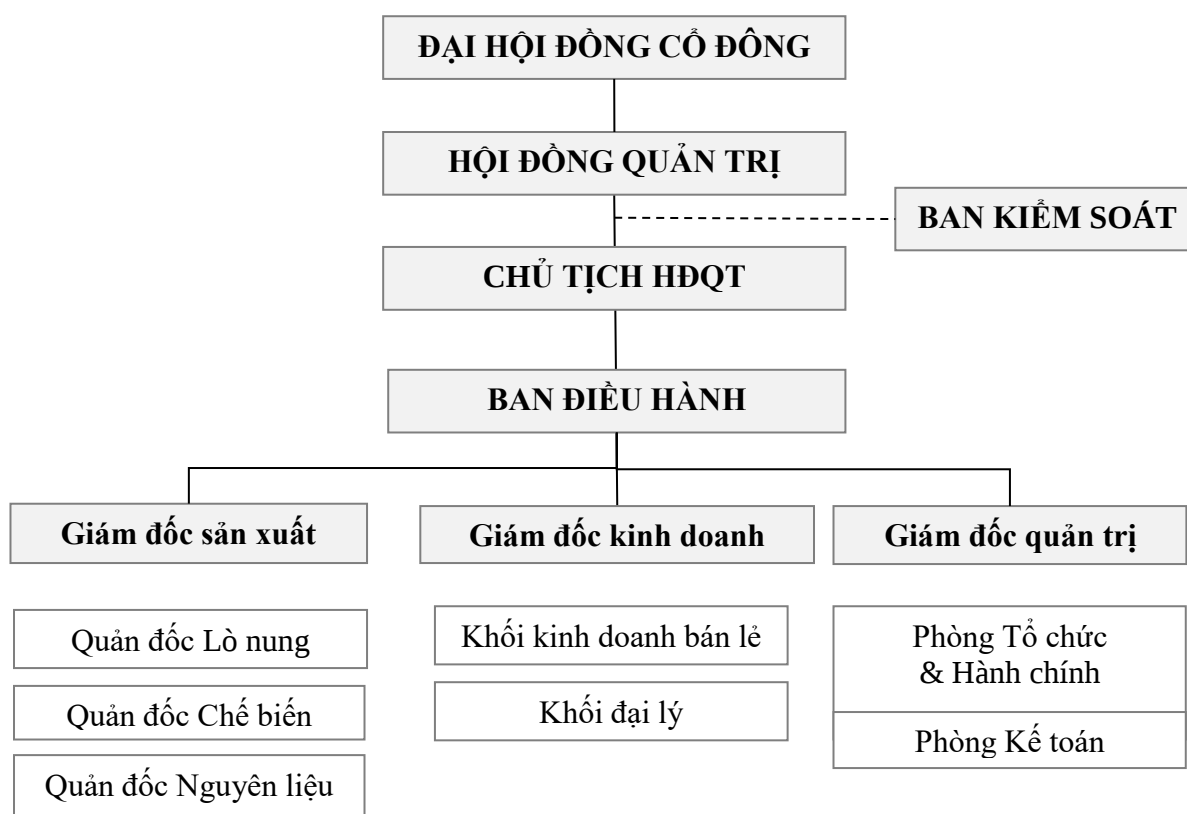
2. Cơ cấu tổ chức công ty



Hình 1: Sơ đồ tổ chức công ty

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng FLC được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014. Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng theo cấu trúc chức năng phù hợp với lĩnh vực hoạt động và được mô tả trong sơ đồ trên đây.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty bao gồm:

Đại hội đồng Cổ đông

Hội đồng Cổ đông của Công ty bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực quyết định cao nhất của Công ty, toàn quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn theo Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, theo Điều lệ Công ty.

Thành phần HĐQT hiện nay có 03 người:

TT	Họ tên	Chức vụ
1	Trần Thị Thúy	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Công Nam	Thành viên HĐQT

TT	Họ tên	Chức vụ
3	Trần Thế Anh	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm soát thay mặt Đại hội đồng Cổ đông thực hiện các công tác giám sát, quản trị tuân theo Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Thành phần Ban kiểm soát hiện nay có 03 người:

TT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Đạt	Kiểm soát trưởng
2	Lê Thị Rinh	Kiểm soát
3	Nguyễn Thị Thu Hương	Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và bãi miễn., chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo Điều lệ Công ty. Hiện Ban Tổng giám đốc của công ty có 02 người, bao gồm:

TT	Họ tên	Chức vụ
1	Lâm Đức Toàn	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Công Nam	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm và bãi miễn, chịu trách nhiệm quản trị dòng tiền, ghi nhận các bút toán kế toán, theo dõi sổ sách kế toán, chứng từ và đảm bảo phản ánh chính xác hoạt động của Công ty trên các báo cáo tài chính.

Kế toán trưởng của công ty hiện nay là:

TT	Họ tên	Chức vụ
1	Lê Trọng Thế	Kế toán trưởng

Các phòng ban trong công ty

Khối Sản xuất

Khối Sản xuất của Công ty bao gồm ba(03) phân xưởng: Phân xưởng Lò nung, Phân xưởng Cơ điện Chế biến tạo hình và Phân xưởng Nguyên liệu. Khối Sản xuất phụ trách quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, quản lý kỹ thuật và chất lượng sản phẩm.

Giám đốc khối sản xuất chịu trách nhiệm:

- Đảm bảo tiến trình sản xuất trôi chảy, liên tục, đáp ứng đúng quy chuẩn
- Đảm bảo tiết kiệm chi phí sản xuất trong khuôn khổ được đặt ra hàng năm
- Đảm bảo nâng cao hiệu suất sản xuất với tiêu chí giảm thiểu lượng mặt hàng hỏng hóc có vấn đề
- Đảm bảo an toàn lao động và quản lý điều động nhân lực khu vực sản xuất theo đúng chức năng nhiệm vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh.

Khối Kinh doanh:

Khối Kinh doanh là đơn vị phụ trách công tác đánh giá nghiên cứu thị trường, từ đó đề xuất xây dựng chính sách bán hàng lên ban Tổng giám đốc quyết định, mở rộng thị trường phân phối sản phẩm và liên tục đảm bảo doanh số được Công ty phê duyệt hàng năm. Khối Kinh doanh được chia ra khu vực bán lẻ và khu vực bán buôn cho đại lý và cho các dự án xây dựng lớn.

Giám đốc Khối Kinh doanh chịu trách nhiệm:

- Đảm bảo doanh số và hiệu quả bán hàng trong năm
- Đề xuất chính sách bán hàng phù hợp trong từng thời điểm thị trường

- Khai thác, đề xuất kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng khác có tiềm năng.

Khối Quản trị

Khối Quản trị của Công ty bao gồm hai phòng: Phòng Kế toán, Phòng Tổ chức & Hành chính. Khối Quản trị phụ trách các công việc liên quan tới thủ tục hành chính, công tác hậu cần, kế toán, văn thư và công tác thư ký cho Ban Giám đốc.

Giám đốc Khối Quản trị chịu trách nhiệm:

- Chủ trì xây dựng và hướng dẫn thực hiện các chính sách, quy định, nội quy của công ty liên quan tới quản trị nội bộ trong công ty
- Tuyển dụng, thống kê, quản lý sử dụng nhân sự
- Hạch toán kế toán, thực hiện các quy trình kế toán theo yêu cầu.
- Bố trí sắp xếp nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh hoạt động có hiệu quả.
- Triển khai công tác hành chính – văn thư, duy trì hoạt động văn phòng thực sự là khối hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.
- Hiện với 03 Khối hoạt động chính, công ty có 03 người là Giám đốc phụ trách từng khối trong công ty

TT	Họ tên	Chức vụ
1	Trần Văn Bắc	Giám đốc sản xuất
2	Lê Văn Minh	Giám đốc kinh doanh
3	Lê Trọng thể	Giám đốc quản trị

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông hiện nay

- a) Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 01/03/2019

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
-----	---------	------------	-----------------------------	-----------

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Tập đoàn FLC	1.240.000	12.400.000.000	8.99%
2	Trần Thị Thúy	2.550.000	25.500.000.000	18.48%
3	Nguyễn Công Nam	690.000	6.900.000.000	5.00%
4	Trần Thế Anh	1.000.000	10.000.000.000	7.25%
5	Nguyễn Thu Thủy	690.000	6.900.000.000	5.00%
6	Lâm Đức Toàn	690.000	6.900.000.000	5.00%
Tổng cộng		6.860.000	68.600.000.000	49.71%

b) Cơ cấu cổ đông của công ty theo danh sách chốt ngày 01/03/2019

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Trong nước	114	13.800.000	138.000.000.000	100%
- Tổ chức	1	1.240.000	12.400.000.000	8.99%
- Cá nhân	113	12.260.000	122.600.000.000	88.84%
Nước ngoài	1			%
- Tổ chức	0	0	0	0%
- Cá nhân	1	300.000	3.000.000.000	2.17%
Tổng cộng	115	13.800.000	138.000.000.000	100%

5. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên danh, liên kết

5.1 Công ty mẹ: Không có

5.2 Công ty con: Không có

5.3 Công ty liên danh, liên kết: CTCP sản xuất và cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum với tỷ lệ đầu tư trên 20% vốn điều lệ của công ty mục tiêu.

6. Hoạt động kinh doanh.**6.1 Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng****a) Cơ sở sản xuất**

Công ty có cơ sở sản xuất gồm các tài sản là nhà xưởng, nhà văn phòng và khu mỏ đất sét được UBND Tỉnh Thanh Hóa cấp và cho thuê. Việc sở hữu mỏ đất sét riêng tạo nhiều thuận lợi cho công ty trong quá trình chủ động điều tiết sản xuất và giảm phụ thuộc vào tình hình thu mua nguyên liệu đầu vào.

Chi tiết tài sản là cơ sở sản xuất như sau:

TT	Tài sản	Vị trí	Thông tin
1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Xã Châu Lộc, H. Hậu Lộc, Thanh Hóa	Diện tích: 118.510 m ² Giá thuê: 2.450 đồng/m ² /năm (tới năm 2021) Thời hạn thuê: 28/11/2046 (30 năm)
2	Đất mỏ nguyên liệu 1	Xã Châu Lộc, H. Hậu Lộc, Thanh Hóa	Diện tích: 42.514 m ² Trữ lượng khai thác: 398.232 m ³ Công suất khai thác: 35.000m ³ /năm Thời hạn khai thác: 11 năm 7 tháng từ 6/2017
3	Đất mỏ nguyên liệu 2	Xã Hà Long, H. Hà Trung, Thanh Hóa	Diện tích: 18.607.000 m ² Trữ lượng khai thác: 522.000 m ³ Theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 244/GP-UBND được Ủy ban nhân dân Tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 26/7/2018

Chi tiết thông tin nhà xưởng sản xuất và tòa nhà văn phòng

TT	Tài sản	Tên	Thông tin
1	Công trình số 1	Nhà xưởng sản xuất gạch (nhà khung bao lò nung)	Diện tích xây dựng: 9.900m ² /nhà Công suất thiết kế: 75 triệu viên/năm/02 lò Năng suất hiện tại: 40 triệu viên/năm
2	Công trình số 2	Nhà cơ khí sửa máy móc	Diện tích xây dựng: 1.800 m ²
3	Công trình số 3	Nhà văn phòng điều hành	Diện tích xây dựng: 3.225,5 m ² Số tầng: 03 tầng

b) Sản phẩm vật liệu chịu lửa

Công ty có ba (03) loại sản phẩm chính, gạch đặc, gạch rỗng 2 lỗ và gạch rỗng 6 lỗ. Quy cách sản phẩm đạt theo tiêu chuẩn TCVN 1450: 1998, TCVN 1451: 1998, và TCVN 6355:1998. Sản phẩm ra lò đạt tới 99,5% thành phẩm, trong đó 99,2% là sản phẩm loại A chỉ có 0,03% là sản phẩm loại B. sản phẩm ra lò nằm trên gong chạy ra ngoài theo đường ray và được xếp thẳng lên phương tiện chuyển đến các công trình. Một năm chỉ có 3 tháng là có sản phẩm lưu kho vào mức xấp xỉ 20%. Số này cũng là sản phẩm tích lũy chuẩn bị cho mùa xây dựng khi sản xuất không đủ cung ứng ra thị trường. Từ ngày đi vào sản xuất kinh doanh, Công ty chưa bao giờ có sản phẩm lưu kho tới 3 tháng.

c) Nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu chính cho sản xuất gạch là đất sét đồi, xít than (loại than đá nhiệt thấp 1.400kcl/kg than, trước đây Tập đoàn than thường vứt bỏ trong quá trình tuyển chọn than) nay được tận dụng để sản xuất gạch nung Tuynel. Với định mức tiêu hao nhiên liệu là 900 Kcl/viên gạch luôn dưới chuẩn nhà nước cho phép. Với quy mô công suất là 70 triệu viên/năm, nhà máy sản xuất gạch của Công ty sẽ tiêu thụ mức nguyên nhiên liệu đầu vào như sau:

KHSX	Nguyên liệu đất		Nhiên liệu than xít nhiệt 1.400 kcl/kg than		Điện năng dùng chạy máy chế biến gạch mộc	
	viên/năm	m3/1000viên	m3/năm	Tấn/ 1000viên	Tấn/năm	kwh/1000viên n
50.000.000		1,2	60.000	0,7	35.000	40
						2.000.000

6.2 Hoạt động kinh doanh thương mại

Công ty triển khai kinh doanh thương mại với các mặt hàng vật liệu xây dựng và cả mặt hàng nông sản do có nguồn hàng tốt và thị trường đầu ra chắc chắn. Trong năm 2018, công ty đã thu mua thương mại gạch chất lượng tương đồng tại nhà máy ở Hòa Bình và Hà Nam, cung cấp cho các dự án lớn tại khu vực Hà Nội. Hoạt động thương mại này xuất phát từ công ty có uy tín đã ký hợp đồng cung ứng gạch cho các công ty xây dựng các nhà thầu lớn. Hoạt động cung ứng gạch của công ty đã đạt được niềm tin uy tín với các nhà thầu các công ty xây dựng. Dự kiến hoạt

động thương mại này sẽ tiếp tục được công ty triển khai khi ký hợp đồng với nhà thầu của các dự án lớn ở những địa bàn khác trên cả nước.

Đối với hoạt động thu mua nông sản, công ty có cơ hội tìm kiếm được thị trường đầu ra là thị trường thu mua xuất khẩu nông sản cho Ấn Độ các sản phẩm quế, hồi. Do đó công ty đã liên hệ và tận dụng hạn mức tín dụng cho hoạt động này trên cơ sở quay vòng vốn và đảm bảo tình hình an toàn tài chính tốt cho công ty.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2017 - 2018

Công ty liên tục hoạt động có lãi kể từ khi đi vào hoạt động chính thức. Doanh thu tăng trưởng nhanh do việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo bù đắp cho việc giá thành gạch giảm trong năm 2018, mang lại tỷ suất lợi nhuận tốt hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Kết quả hoạt động kinh doanh	2017	2018
Doanh thu bán hàng và dịch vụ	41.370	92.295
Giảm trừ doanh thu	0	0
Doanh thu thuần	41.370	92.295
Giá vốn hàng bán	25.050	75.217
Lợi nhuận thuần	16.321	17.078
Chi phí bán hàng	4.077	3.225
Chi phí quản lý DN	2.459	2.524
Lợi nhuận khác	-314	-183
Doanh thu tài chính	1.513	252
Chi phí tài chính	2.247	3.607
<i>Chi phí lãi vay</i>	2.203	3.230
Lợi nhuận trước thuế	8.736	7.791
Thuế TNDN	1.810	1.595
Lợi nhuận ròng (NI)	6.926	6.196

Nguồn: BCTC 2018 kiểm toán, ĐV: Triệu đồng

Bên cạnh việc đạt được mức doanh thu tăng đột biến lên gấp đôi trong năm 2018, công ty còn áp dụng thành công chính sách tiết kiệm chi phí nên công ty cắt giảm được chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm tài chính 2017.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.2 Vị thế của Công ty

Công ty là một trong những đơn vị sản xuất và phân phối gạch trong các khu vực Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Thế mạnh của công ty là chỉ có duy nhất hai công ty trong địa bàn sản xuất gạch đặc với công suất lớn. Điều đặc biệt quan trọng là sản phẩm của công ty Vật Liệu xây dựng FLC đang nổi tiếng với cường độ chịu lực cao và có công suất thực tế cao hơn rất nhiều so với công ty còn lại (Công ty Phú Thịnh).

Lựa chọn địa bàn tỉnh Thanh Hóa, công ty có nhiều lợi thế trên thị trường nhờ vào nguồn nguyên liệu sản xuất là đất đồi rất dồi dào, vị trí địa lý nằm ngay sát đường 1A cách thành phố Thanh hóa 15km nên giao thông thuận tiện cung cấp cho khu vực Thành phố Thanh Hóa và các huyện phía đông và phía tây đường 1A rất thuận lợi. Việc vận chuyển gạch đi cung cấp cho các tỉnh miền trung cũng rất thuận lợi do gần sát đường 1A nên các xe tải đường dài có thể ghé lấy hàng vận chuyển 2 chiều rất rẻ.

Cụ thể, Thanh hóa là một tỉnh đồng bằng giáp núi nên địa hình có sự tương phản giữa địa hình đồng bằng và địa hình đồi núi. Mật độ và độ sâu chia cắt địa hình so với các vùng núi khác trong cả nước hầu như không đáng kể. Phía nam giáp Nghệ an, Phía Bắc giáp các tỉnh Ninh Bình, Hoà Bình. Địa hình Thanh hóa là vùng đồi núi bán sơn địa với các dãy núi đá vôi, núi đất và đồi rừng, nhiều nơi có địa hình dốc. Phần lớn đất đai trong vùng đồi núi bán sơn địa là đất sét nâu vàng trên phù sa cổ, đất đỏ vàng trên phiến đá sét, đất nâu đỏ trên đá bazơ. Ngoài ra, Thanh Hóa còn là tỉnh đông dân số, ước tính năm 2014, Thanh Hóa có khoảng 5 triệu người, đứng thứ ba Việt Nam, chỉ sau thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thanh hóa có diện tích rộng đứng hàng thứ nhì trên cả nước. Những năm gần đây Thanh Hóa đẩy mạnh thu hút đầu tư nên tăng trưởng về xây dựng hạ tầng rất cao.

Những thuận lợi như phân tích trên đây đã giúp công ty có khả năng cạnh tranh tốt trên thị trường vật liệu xây dựng với chất lượng sản phẩm tốt, giá thành cạnh tranh và sản lượng ổn định ở mức lớn, nên ngay từ sau năm đầu thành lập, công ty đã đạt được sự tín nhiệm của các khách hàng trong khu vực, cạnh tranh vượt các thương hiệu lâu năm trong thị trường Thanh hóa và các tỉnh Miền trung.

Tại tỉnh Thanh Hóa, các nhà máy sản xuất gạch tuynel gồm có:

- Nhà máy gạch Tuynel Thiệu Giao
- Nhà máy gạch Tuynel Cẩm Trướng
- Nhà máy gạch Tuynel Đông Văn
- Nhà máy gạch Tuynel Đông Vinh
- Nhà máy gạch Tuynel Hà Bắc Thanh Hóa
- Nhà máy gạch Tuynel Hà Trung Thanh Hóa
- Nhà máy gạch Tuynel Hậu Lộc
- Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Thanh Hóa
- Nhà máy gạch Tuynel Long Sơn
- Nhà máy gạch Tuynel Long Thành
- Nhà máy gạch Tuynel Phú Thịnh Thanh Hóa
- Nhà máy gạch Tuynel Quảng Yên
- Nhà máy gạch Tuynel Tam Điệp (nay là Hamico)
- Nhà máy gạch Tuynel Trường Lâm
- Nhà máy gạch Tuynel Trường Sơn
- Nhà máy gạch Tuynel Sơn Trang
- Nhà máy gạch Tuynel Trung Sơn Thanh Hóa
- Nhà máy gạch Tuynel Hà Trung
- Nhà máy gạch Tuynel VLXD Bỉm Sơn
- Nhà máy gạch Tuynel Ba Lan Thanh Hóa (không còn hoạt động)
- Nhà máy gạch Tuynel Long Sơn
- Nhà máy gạch Tuynel Vĩnh Lộc
- Nhà máy gạch Tuynel Vĩnh Hòa

Cho tới nay, thị trường tỉnh Thanh Hóa – Vinh – Nghệ An đều lựa chọn mặt hàng gạch đặc của công ty nhờ vào sản lượng và chất lượng vượt trội.

8.3 Triển vọng phát triển của ngành

Sự phát triển của ngành xây dựng, đặc biệt là lĩnh vực vật liệu xây dựng, có mối tương quan chặt chẽ tới tốc độ phát triển của nền kinh tế. Trong ba năm từ 2015 đến 2017, sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành xây dựng đã kéo theo sự phát triển của lĩnh vực vật liệu xây dựng. Theo đánh giá của Bộ Xây dựng, tình hình thị trường vật liệu xây dựng phát triển ổn định, đáp ứng nhu cầu thị trường. Vì vậy, nhiều chuyên gia có kỳ vọng khả quan vào sự tăng trưởng của ngành xây dựng nói chung và lĩnh vực vật liệu xây dựng nói riêng.

Với nhu cầu đô thị hóa ngày càng tăng cao trong những năm gần đây, kèm theo sự đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn nước ngoài, thị trường vật liệu xây dựng, hứa hẹn sẽ tiếp tục được phát triển ổn định trong những năm tới.

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ lạm phát

Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều biện pháp để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và phân bổ hợp lý các nguồn lực, hỗ trợ nền kinh tế có những bước tăng trưởng đáng kể so với những năm trước đây cũng như so với các quốc gia khác trong khu vực. Tăng trưởng kinh tế mang đến cả cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp.

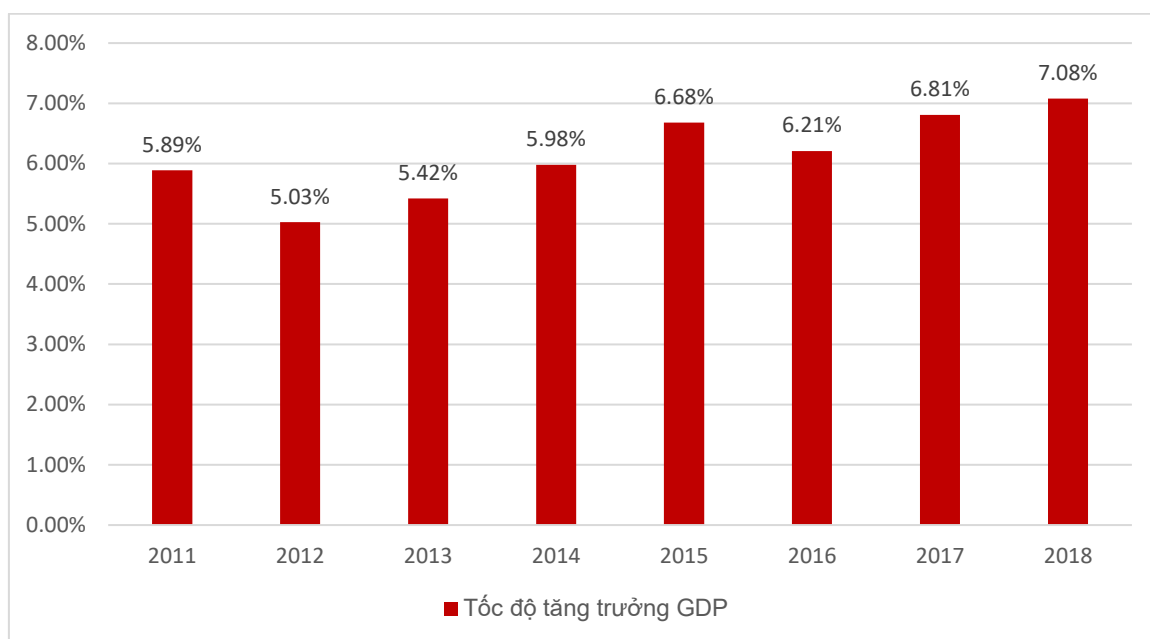
Về cơ bản, khi nền kinh tế đang trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát chặt chẽ, sức cầu tăng mạnh, tạo động lực thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi nền kinh tế bước vào giai đoạn suy thoái, các yếu tố bất lợi xảy ra như lãi suất và lạm phát cao, tỷ giá hối đoái có nhiều biến động, nhu cầu tiêu dùng có xu hướng giảm mạnh sẽ tạo lực cản đến sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu do Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã hồi phục khả quan kể từ năm 2012. Năm 2017, Việt Nam

đạt mức tăng trưởng 6,81%, vượt qua nhiều dự báo từ các tổ chức quốc tế. Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng. GDP bình quân đầu người ước tính đạt 53,5 triệu đồng, tương đương 2.385 USD, tăng 170 USD so với năm 2016. Bước sang năm 2018, tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức cao nhất trong 10 năm (7,08%) đã cho thấy môi trường kinh tế vĩ mô hiện đang trong chu kỳ tăng trưởng.

Hình 3: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

Cho đến nay, Việt Nam đã thực hiện đúng các cam kết theo các Hiệp định mới ký kết gồm: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu. Đồng thời, tiếp tục đàm phán để có những bước tiến tích cực trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU và tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN, qua đó tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP năm 2016-2018.

Sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam, việc thực thi các hiệp định thương mại trong thời gian tới sẽ tạo điều kiện phát triển thuận lợi, kể cả trong bối cảnh thương mại Mỹ - Trung có nhiều diễn biến căng thẳng. Ở một khía cạnh khác, một số ngành đứng trước cơ hội tăng trưởng khi thuế suất thương mại giảm về 0%, thấp hơn mức thuế suất hiện đang áp dụng cho các mặt hàng từ Trung Quốc. Chiến tranh thương mại cũng làm tăng tiềm năng của việc chuyển dịch sản xuất các ngành công nghiệp phụ trợ rời

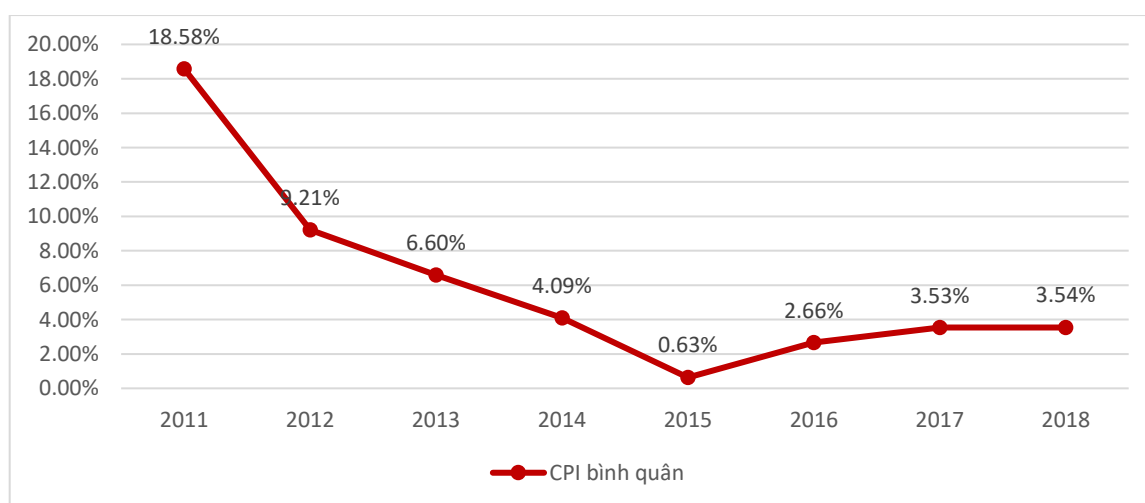
khởi thị trường Trung Quốc sang các quốc gia lân cận có chi phí lao động thấp và tiềm năng tăng trưởng tiêu dùng cao.

Tình hình lạm phát

Từ mức lạm phát 2 con số trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, từ đó lạm phát đã giảm ở mức 9,21% năm 2012 xuống còn 0,63% năm 2015 và 2,66% năm 2016. Trong năm 2017, với tốc độ tăng lạm phát 3,53%, Chính phủ đã đạt mục tiêu kiềm chế lạm phát ở mức dưới 4%, nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Bình quân 9 tháng 2018, tỷ lệ lạm phát ở mức 3,57%, vẫn trong tầm kiểm soát.

Lạm phát thấp là dấu hiệu tích cực, là cơ sở để NHNN giảm lãi suất cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ, khuyến khích người dân và doanh nghiệp vay tiền ngân hàng, đáp ứng nhu cầu trong các lĩnh vực và ngành nghề kinh tế. Lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, xây dựng, nhân công và lãi vay.

Hình 4: Tốc độ tăng lạm phát của Việt Nam

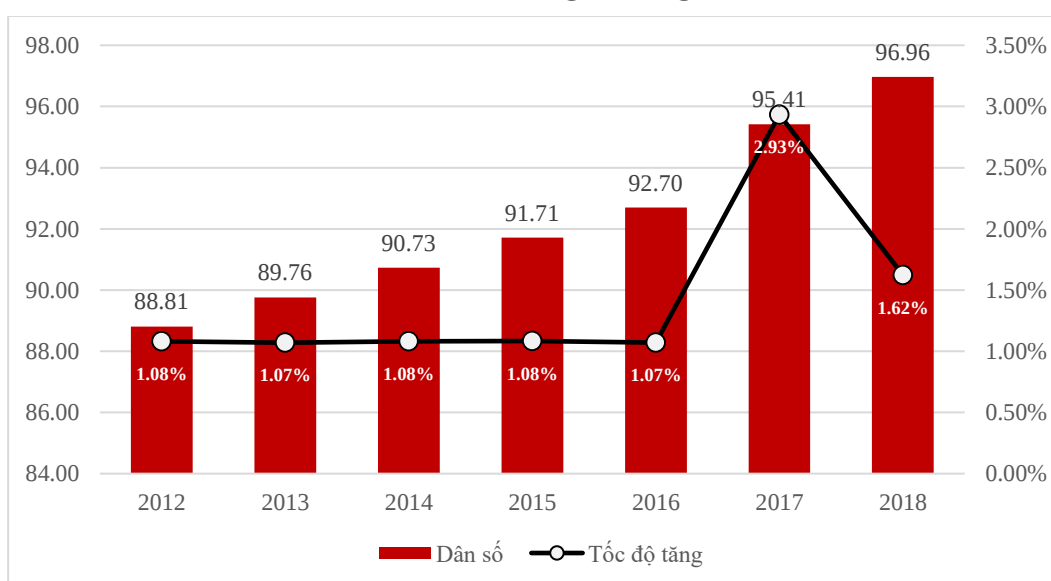


Nguồn: Tổng cục thống kê

b) Tốc độ đô thị hóa và tăng trưởng ngành xây dựng

Trước hết, sự tăng trưởng của ngành sản xuất vật liệu xây dựng đi cùng với sự phát triển của ngành xây dựng, mà xuất phát chính từ nhu cầu đô thị hóa tại nhiều vùng miền ở Việt Nam, một đất nước có số lượng dân cư đông.

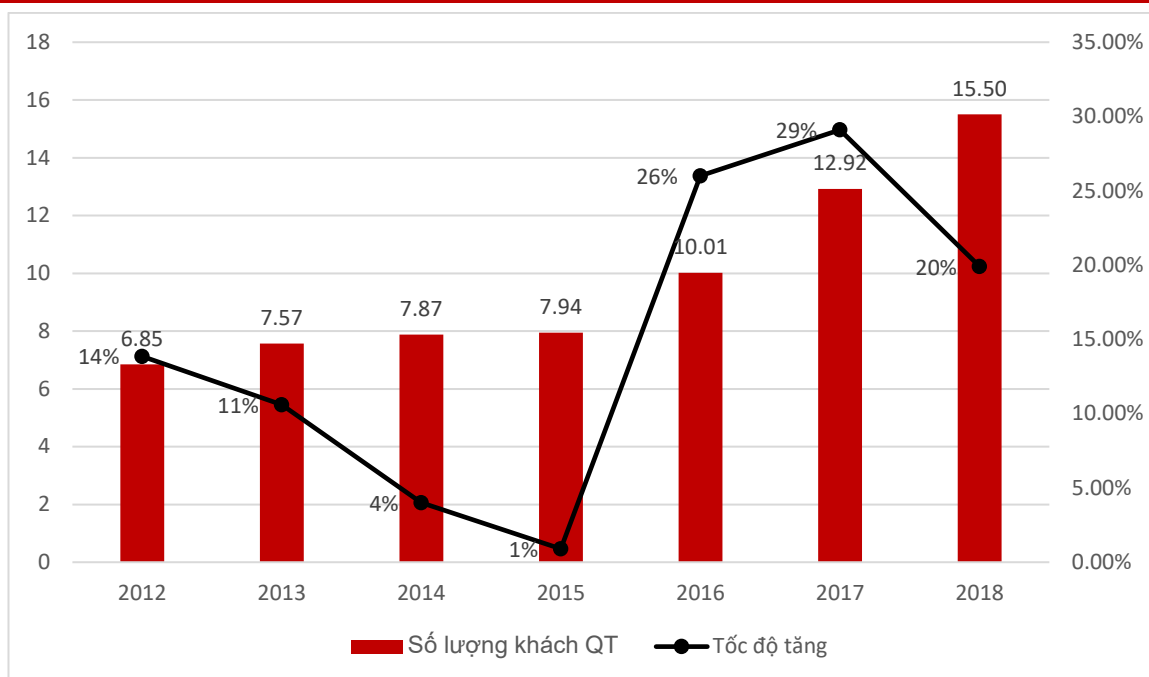
Hình 5: Tốc độ tăng trưởng dân số



Nguồn: Tổng cục thống kê, Dân số đơn vị: Tỷ người.

Việt Nam cũng là đất nước có tốc độ tăng trưởng ngành du lịch đột biến trong những năm gần đây, các doanh nghiệp hiện có doanh thu lớn nhất trên thị trường chứng khoán đều xuất phát từ các doanh nghiệp xây dựng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, đầu tư vào du lịch. Hình ảnh đất nước ổn định về chính trị, văn hóa lâu đời và nhiều danh lam thắng cảnh đã thu hút một lượng lớn khách du lịch tăng dần qua các năm tới Việt Nam, thúc đẩy nhu cầu phát triển xây dựng các dịch vụ nghỉ dưỡng.

Hình 6: Tăng trưởng số lượng khách quốc tế tới Việt Nam 2012-2018



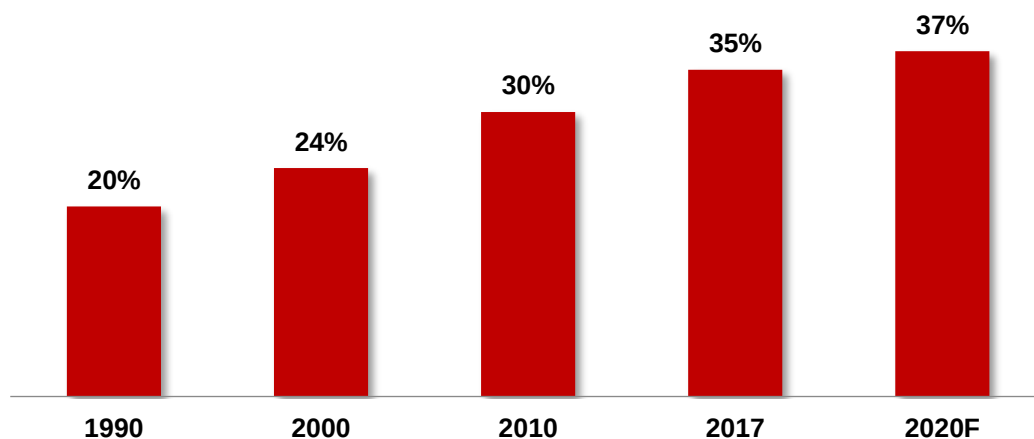
Nguồn: Tổng cục du lịch

Chỉ riêng trong tháng 12/2018, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 1.374.235 lượt, tăng 5,6% so với tháng 11/2018 và tăng 7,7% so với tháng 12/2017. Tính chung cả năm 2018 đạt 15.497.791 lượt khách, tăng 19,9% so với năm 2017.

Việt Nam sở hữu tiềm năng đô thị hóa cao hơn hẳn so với các nước trong khu vực. Ngành xây dựng Việt Nam với những thay đổi tích cực về chính sách, nền kinh tế tăng trưởng tốt, ổn định và những điều kiện thuận lợi về tài chính tạo đà tăng trưởng bền vững lâu dài;

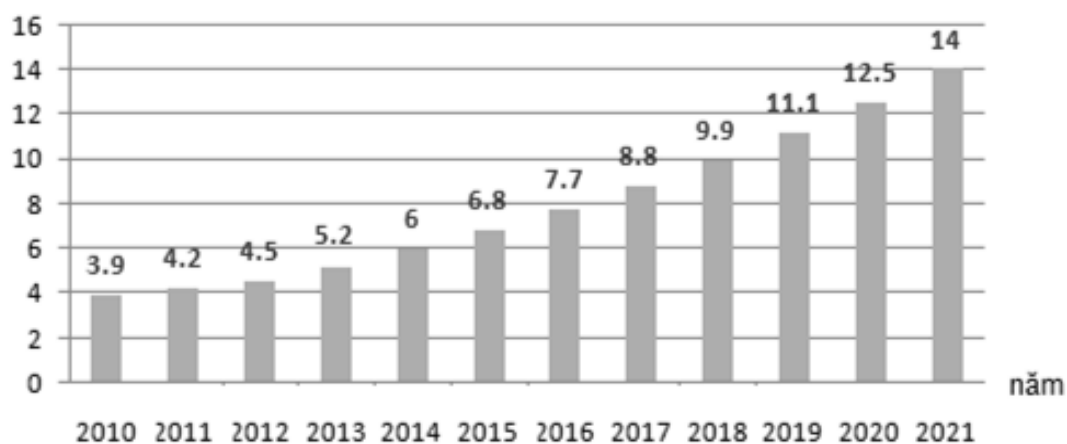
Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đang có nhiều cơ hội phát triển các dự án hạ tầng giao thông qua mô hình hợp tác công - tư (PPP), do đó việc xây dựng đường bộ, sân bay, cầu cảng dự kiến sẽ phát triển hơn...

Hình 7: Tốc độ đô thị hóa của Việt Nam



Nguồn: Tổng hợp

Hình 8: Dự báo tăng trưởng giá trị ngành xây dựng tại Việt Nam



Nguồn: IFC, Đơn vị: tỷ USD

c) Triển vọng tăng trưởng ngành vật liệu xây dựng

Căn cứ theo Quyết định số 1469/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/08/2014 phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng tới năm 2030, dự kiến đến 2020, nhu cầu vật liệu xây trong nước là 30 tỷ viên, trong đó quy hoạch cho gạch đất sét nung là 60% tổng sản lượng quy hoạch, tương đương 18 tỷ viên quy tiêu chuẩn.

Mỗi nhà máy đất sét nung được xây dựng phải đạt quy mô nhỏ nhất là 20 triệu viên/năm, trường hợp khu vực miền núi cho phép xây với công suất 10 triệu viên/năm (trong tương quan với công suất nhà máy gạch tuynel của CTCP VLXD FLC là 70 triệu viên/năm/lò).

Chi tiết quy hoạch sản lượng gạch nung cho các vùng miền sản xuất và tiêu thụ đã được phê duyệt trong quyết định như sau:

STT	Vùng kinh tế	Quy hoạch theo nhu cầu (viên)	
	Năm	2015	2020
1	Trung du & miền núi phía Bắc	4.600.000.000	4.000.000.000
2	Đồng bằng sông Hồng	8.100.000.000	7.100.000.000
3	Bắc Trung Bộ & duyên hải miền Trung	2.100.000.000	1.900.000.000
4	Tây Nguyên	700.000.000	600.000.000
5	Đông Nam Bộ	800.000.000	700.000.000
6	Đồng bằng sông Cửu Long	3.700.000.000	3.200.000.000
	Tổng cả nước	20.000.000.000	17.500.000.000

Nguồn: Quyết định số 1469/2014/QĐ-TTg

Cũng theo Quyết định số 1469/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/08/2014 phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng tới năm 2030, đã quy định đến năm 2020 sẽ phải phá dỡ hoàn toàn các lò nung thủ công và bán thủ công lò vòng lò hocman vì các lò này không đạt tiêu chuẩn về môi trường. Ngoài ra Quyết định cũng nêu rõ hạn chế các nhà máy sản xuất gạch bằng đất sét ruộng bằng các nguyên liệu hóa thạch tiêu tốn nhiệt

cao. Những năm gần đây nhiều nhà đầu tư đã nhập công nghệ sản xuất gạch từ Trung quốc vào Việt Nam, tuy nhiên đòi hỏi vốn lớn và Chính phủ đã dừng hẳn cấp giấy phép cho xây dựng nhà máy gạch mới.

Với việc được cấp phép xây dựng một nhà máy gạch công nghệ cao với công suất lên tới 150 triệu viên/năm. Và năng lực sản xuất và tiêu thụ hiện tại ở mức 40 triệu viên/năm trên công suất 75 triệu viên/năm, nhà máy gạch Tuynel của Công ty dự kiến nếu sản xuất hết công suất, nhà máy sẽ cung ứng tới 8% tổng lượng gạch theo nhu cầu tại khu vực Bắc Trung Bộ & duyên hải miền trung từ nay tới năm 2020.

Công ty dự kiến cuối năm 2019 đầu năm 2018 nếu thuận lợi công ty sẽ mở rộng sản xuất với việc xây dựng tiếp 2 cặp lò nung, tổng công suất nhà máy sẽ là 150 triệu viên/năm. Tuy nhiên do công nghệ đã có sự cải tiến nên công ty sẽ xây dựng lò vòng với chi phí đầu tư thấp và giá thành hạ. Tiến tới 2020, trường hợp đáp ứng vận hành hết công suất, Công ty sẽ đáp ứng tới 16% tổng nhu cầu dự kiến của toàn thị trường trong khu vực (khoảng 150 triệu viên từ 2019 – 2020 trên tổng nhu cầu 1,9 tỷ viên)

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong công ty

Chi tiết số lượng nhân sự tại các khối vào thời điểm 31/12/2018 như sau:

STT	Khối nghiệp vụ	Số lượng lao động
1	Ban lãnh đạo	03 người
2	Khối quản trị	05 người
3	Khối sản xuất	28 người
3.1	Cơ điện	04 người
3.2	Lò Nung	07 người
3.3	Chế biến	10 người
3.4	Nguyên liệu	04
3.4	Công tác hỗ trợ khác (Bảo vệ, vệ sinh công nghiệp và nấu ăn ca)	03

4	Khối kinh doanh	03 người
	Tổng cộng	39 người

9.2 Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Công ty nhìn nhận nguồn nhân lực là một yếu tố quyết định thành công của một doanh nghiệp, vì vậy, Công ty coi trọng công tác đào tạo, áp dụng cơ chế lương theo sản phẩm, khen thưởng sáng kiến và chuyên cần, trợ cấp với trường hợp hoàn cảnh khó khăn, cho cán bộ công nhân mua gạch xây dựng nhà giá ưu đãi. Từ đó tạo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trên cùng địa bàn, nhằm tạo điều kiện để người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

Về chính sách lương: Công ty chi trả lương cơ bản khoán sản phẩm, khoán doanh số, khoán việc cho lao động dựa trên cạnh tranh thu hút lao động trong khu vực. Trong năm 2017, lương công nhân lao động tại công ty ở mức 170.000 đồng/ngày đến 230.000 đồng/ngày, mức chi phí này đủ để công ty thu hút lao động. Đối với công nhân bốc xếp, Công ty có thuê người lao động thời vụ ngắn hạn (trong ngày). Việc thu hút công nhân cho loại công việc này do hầu hết là làm việc theo thời vụ và không cố định được thời gian nên hầu hết là những lao động dư dôi trong nông nghiệp đảm nhận. Đối với loại lao động này công ty chỉ hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế để thu hút và giúp bà con gắn bó với công ty.

Mức lương trung bình của nhân sự tại công ty như sau:

Mức lương bình quân

	Năm 2017	Năm 2018
Tổng quỹ lương chi trả trong năm (đồng)	3.299.028.000	2.792.700.000
Trung bình nhân sự/tháng (người)	59	39
Mức lương bình quân (đồng/người/năm)	55.915.892	71.607.692

Mức lương cơ bản này được công ty trích trả đóng bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đoàn phí, trích kinh phí công đoàn, và trừ thuế theo đúng các chính sách quy định của Nhà Nước.

Về chế độ thưởng và trợ cấp: Công ty quy định chính sách thưởng dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và áp dụng thống nhất, linh hoạt nhằm khuyến khích sáng kiến, giảm chi phí sản xuất đảm bảo hiệu quả sản xuất cao nhất và mức doanh thu tốt nhất, đồng thời vừa yêu cầu trách nhiệm vừa khuyến khích người lao động đóng góp, gia tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường cho công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, tuân thủ các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định tỷ lệ cổ tức cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong năm 2017-2018, công ty áp dụng chính sách chi trả cổ tức cho cổ đông dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính 2016 - 2017 như sau:

- Năm 2017: Công ty mới đi vào hoạt động nên không chi trả cổ tức cho cổ đông
- Năm 2018: Công ty trả cổ tức cho năm tài chính 2017 với tỷ lệ 10% trên mệnh giá.

11. Tình hình tài chính

11.1 Cơ cấu Tài sản – Nguồn vốn

Cân đối kế toán	2017	2018
Tài sản ngắn hạn	35.811	62.513
Tiền & tương đương tiền	1.761	8.193
Hàng tồn kho	9.731	13.297
Phải thu	16.212	31.734
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	2.628

Cân đối kế toán	2017	2018
Thuế GTGT được khấu trừ	5.730	4.600
Thuế và các khoản phải thu NN	2.033	1.743
Trả trước ngắn hạn	343	318
TSNH khác	0	0
Tài sản dài hạn	92.536	121.545
Phải thu dài hạn	0	0
Trả trước dài hạn (thuê đất)	32	32
Tài sản cố định hữu hình	65.437	70.516
<i>Nguyên giá</i>	<i>70.504</i>	<i>81.722</i>
<i>Khấu hao lũy kế</i>	<i>-5.067</i>	<i>-11.205</i>
Tài sản cố định vô hình	18.955	18.300
<i>Nguyên giá</i>	<i>19.611</i>	<i>19.611</i>
<i>Khấu hao lũy kế</i>	<i>-656</i>	<i>-1.311</i>
Xây dựng cơ bản dở dang	4.636	49
TSDH khác	3.476	2.948
Đầu tư tài chính dài hạn	0	29.700
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	128.347	184.059
Nợ ngắn hạn	38.530	22.808
Phải trả người bán ngắn hạn	2.546	6.770
Người mua trả trước ngắn hạn	0	55
Thuế và các khoản phải trả NN	1.940	1.306
Phải trả người lao động	563	36
Chi phí phải trả ngắn hạn	696	42
Phải trả ngắn hạn khác	6	485
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	32.779	14.113
Nợ dài hạn	22.427	16.013
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22.427	16.013
Nợ phải trả	60.957	38.820
Vốn chủ sở hữu	67.390	145.239

Cân đối kế toán	2017	2018
Vốn góp	60.000	138.000
Thặng dư vốn	0	0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.390	7.239
Quỹ đầu tư phát triển	0	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	128.347	184.059

Nguồn: BCTC 2018 kiểm toán, ĐV: Triệu đồng

Cùng với việc phát triển mở rộng quy mô sản xuất, tổng tài sản của công ty cũng gia tăng trong giai đoạn 2017 sang 2018. Trong đó việc mở rộng quy mô sản xuất chủ yếu lấy nguồn tài chính từ vốn góp của cổ đông.

Trong đó, tài sản lớn nhất là tài sản dài hạn đầu tư vào xây dựng dây chuyền nhà máy, giá trị các tài sản dài hạn tăng tỷ lệ với việc mở rộng quy mô sản xuất, tuy nhiên chủ yếu chỉ từ việc xây dựng thêm lò nung thứ hai trên cơ sở hạ tầng đã có sẵn. Một phần không nhỏ trong giá trị tổng tài sản năm 2018 của Công ty là hoạt động đầu tư tài chính dài hạn vào công ty vật liệu xây dựng tại Kontum (với mức đầu tư trên 20% cổ phần công ty đối tác).

Về tình hình nợ của công ty: Công ty không có nợ phải thu khó đòi. Giá trị chủ yếu của nợ phải trả là do việc sử dụng đòn bẩy ngắn hạn và dài hạn của công ty trong môi trường lãi suất thấp và có một số khoản vay do chính cổ đông cho vay, sau này đã chuyển thành vốn góp tại công ty. Mức nợ phải trả ở tỷ lệ thấp so với nguồn vốn góp của cổ đông trong năm 2018.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Các chỉ tiêu tài chính	2017	2018
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,93	2,74
Hệ số thanh toán nhanh	0,47	1,87
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu Tổng tài sản</i>		
Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	0,28	0,34

Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản		0,72	0,66
Tài sản ngắn hạn/Tài sản Dài hạn		0,39	0,51
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản		0,47	0,21
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu		0,90	0,27
Hệ số Nợ ngắn hạn/Nợ dài hạn		1,72	1,42
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu		2,55	2,79
Vòng quay hàng tồn kho		2,57	4,35
Doanh thu thuần/Tổng tài sản		0,32	0,43
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		16,7%	6,7%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		10,3%	4,3%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		5,4%	3,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		23,6%	12,3%

Năm 2018, công ty tăng khả năng thanh toán cho hoạt động sản xuất kinh doanh với các chỉ tiêu thể hiện khả năng thanh toán nhanh và thanh toán ngắn hạn đều tăng mạnh. Các hệ số thanh toán cao đảm bảo cho tình hình tài chính của doanh nghiệp vững vàng, bất kể chỉ tiêu vòng quay các khoản phải thu của công ty không cao, (do phát sinh phải thu từ các dự án công trình lớn tiến độ dài của Faros).

Trong năm 2018, giá gạch sứt giảm mạnh cũng gây ảnh hưởng nhiều tới tỷ lệ lợi nhuận của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh giá gạch giảm 50%, doanh nghiệp vẫn duy trì được sản xuất và tăng trưởng doanh thu, thì các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của doanh nghiệp khá khả quan.

Công ty có các chỉ tiêu về nợ vay rất lành mạnh. Chủ yếu, công ty tận dụng nợ ngắn hạn lãi vay thấp được ngân hàng cấp tín dụng.

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2018 của Công ty như sau:

DV: Triệu đồng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
----------------	------------	------------------------	-----------------

Tổng tài sản cố định hữu hình	81.722	(11.205)	70.517
Tổng tài sản cố định vô hình	19.611	(1.311)	18.300
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			49
Tổng cộng			88.866

Chi tiết thông tin về tài sản cố định bao gồm Nhà, vật kiến trúc, Máy móc – thiết bị và Phương tiện vận tải của công ty như sau:

ĐV: Triệu đồng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà, vật kiến trúc	38.792	4.410	34.382
Máy móc – thiết bị	32.203	4.811	27.392
Phương tiện vận tải	10.726	1.984	8.742
Tổng cộng TSCĐ			70.517

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu sản xuất gạch (Tr. đồng)	50.000	80.000
Doanh thu Thương mại	100.000	100.000
Tổng cộng doanh thu	150.000	180.000
<i>% tăng trưởng</i>	63%	20%
Lợi nhuận sau thuế	14.000	16.000
<i>% tăng trưởng lợi nhuận</i>	93,7%	25,0%
<i>LNST/Doanh thu thuần</i>	9,3%	8,9%
LNST/Vốn chủ SH bình quân	10,15%	11,6%
Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	9%	10%

Năm 2019, công ty định hướng duy trì doanh thu từ các mảng hoạt động thương mại của năm trước, đồng thời mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, do đó dự kiến doanh thu từ hoạt động thương mại sẽ tăng mạnh.

Việc này được triển khai trên cơ sở đã đàm phán và dự thảo hợp đồng hợp tác chiến lược với Tập đoàn Hamico (cung cấp thương mại Gạch tại Hà Nam), Công ty cổ phần Hăng Sơn Đông Á (Thương mại Sơn), mảng kinh doanh ván ép cho cốp pha công ty đã đàm phán và thương thảo xong với 2 đối tác là Công ty TNHH một thành viên ván ép Tây Hà Nội, Công ty cổ phần Kinh doanh và sản xuất ván ép Trống đồng, công ty TNHH Hung Spices (thương mại Quế),

Ngay từ những ngày đầu năm 2019, tín hiệu khả quan cho ngành sản xuất gạch rất khởi sắc. Giá gạch dường như đã đi qua vùng trũng nhất trong 3 năm gần đây. Giá gạch đã tăng trên 10% so với năm 2018. Đồng thời lượng cầu trên thị trường dân cư xây dựng nhà ở tăng mạnh cũng như việc triển khai các công trình hạ tầng công cộng của các tỉnh Thanh hóa, Nghệ an, Quảng bình tăng mạnh đem đến cho công ty một lượng cầu lớn. Trong Quý I/2019, Công ty đã nâng công suất nhưng vẫn không đủ cung cấp cho thị trường, do đó công ty vẫn luôn đối mặt với hiện tượng dư cầu. Ngoài ra, nhu cầu tiêu thụ luôn vượt mức với sản lượng sản xuất của công ty do sản phẩm chất lượng cao được thị trường yêu thích, trong tương quan với các sản phẩm của các nhà máy khác trong khu vực. Hiện nay công ty đã nâng công suất hai lò gạch lên 70%, tại mức khoảng 50 triệu viên gạch năm 2019.

Với ưu thế của gạch đặc khi sử dụng cho xây dựng nhà đem lại tiện ích ẩm mùa đông mát mùa hè, không bị thấm tường, cách âm rất tốt, chịu được gió biển mặn mòi, xu hướng trong dân cho thấy nhu cầu gạch đặc đang lấn dần và thay thế việc sử dụng gạch rỗng. Việc người dân ưa chuộng sử dụng gạch đặc cho xây dựng công trình nhà ở dân dụng đã giúp cho công ty có được lợi thế cạnh tranh tốt. Nếu sức cầu tiếp tục tăng như hiện nay, công ty sẽ tính đến việc triển khai xây dựng tiếp một dây chuyền sản xuất gạch đặc và gạch rỗng theo công nghệ lò vòng. Đây là công nghệ tiên tiến nhất hiện nay với chi phí đầu tư thấp và giá thành hợp lý, tăng tính cạnh tranh trên thị trường vật liệu xây dựng tại các tỉnh miền Trung.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu sản xuất gạch (Tr. đồng)	50.000	80.000
Sản lượng KH (Tr. viên)	50	80
Giá dự kiến (đồng)	1.000	1.000
Doanh thu Thương mại	100.000	100.000
Thương mại Gạch	10.000	10.000
Thương mại Quế cho XNK	30.000	30.000
Thương mại Ván ép các loại	40.000	40.000
Thương mại Sơn các loại	20.000	20.000
Tổng cộng doanh thu	150.000	180.000

Dự kiến tới năm 2020, công ty sẽ hoàn thành bổ sung thêm một dây chuyền sản xuất gạch mới, và do đó sẽ tăng lượng sản xuất lên 80 triệu đến 90 triệu viên/năm.

Đối với hoạt động thương mại:

Kinh doanh thương mại gạch: Công ty đã ký được Hợp đồng bán gạch cho hai đối tác là công ty xây dựng có công trình tại Hà Nội. Do đó Công ty đã thương thảo với 3 đối tác tại Hòa Bình và Hưng yên và nam định để mua và vận chuyển bán cho hai đối tác tại Hà Nội. Mua gạch của công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng Kon tum và Công ty TNHH gạch vân cạnh tại Quy Nhơn để cung cấp gạch bán cho dự án của tập đoàn FLC tại Quy nhơn. Dự kiến doanh thu từ mảng này đạt 20 tỷ đồng.

Về phát triển mạng thương mại sơn. Do mảng bán lẻ gạch của công ty vào thị trường dân cư đã phát triển khá mạnh, bán cho các dự án lớn nên Công ty đã đàm phán và thương thảo thành công việc công ty làm đại lý bán buôn bán lẻ sản phẩm sơn cho Công ty cổ phần Hăng sơn đông á. Với dự kiến doanh thu từ mảng này đạt 20. Tỷ đồng cho năm 2019 và 2020.

Về phát triển mảng kinh doanh ván ép dùng trong xây dựng đồ mái bằng. Công ty đã đàm phán với 2 đối tác chuyên kinh doanh về sản phẩm gỗ ván ép là Công ty TNHH một thành viên ván ép Tây Hà Nội, Công ty cổ phần Kinh doanh và sản xuất ván ép Trống đồng. Với khách hàng tiêu thụ sản phẩm này là các dự án lớn công trình hạ tầng lớn, dự kiến doanh thu từ mảng này là 40 tỷ đồng cho năm 2019 và 2020.

Kinh doanh thương mại nông sản: Hiện nay, Công ty tìm được đối tác có nhu cầu mua Quế chẻ và Hồi suất khẩu đi thị trường Ấn Độ với khối lượng lớn rất ổn định. Đối tác có tiềm lực tài chính mạnh. Chân hàng thu mua cũng đã được công ty tiến hành khảo sát khu vực phía bắc vào đầu năm 2018 và đánh giá sơ bộ là nguồn cung khá vững và ổn định. Việc thu mua khá đơn giản, do đối tác mua hàng đã có sẵn kho tại các xã có diện tích trồng Quế và Hồi lớn. Công ty sẽ phối hợp với cán bộ xã để thống báo lịch thu mua tới các hộ dân để thực hiện. Đối với các hộ dân ở cách xa công ty sẽ có xe của công ty thuê đến thu mua tại nhà dân. Việc thanh toán tiền hàng thuận tiện do đối tác có nguồn thu ngoại tệ ổn định nên đối tác được Ngân hàng Eximbank bảo lãnh thanh toán, tức có hóa đơn hàng nhập thì ngân hàng giải ngân tiền, do vậy không có nợ đọng ở mảng này. Doanh thu kinh doanh thu mua hàng nông sản xuất khẩu dự kiến đạt 30 tỷ đồng.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...).

Công ty không có cam kết nào về trái phiếu chuyển đổi, hay cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay, v.v.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.

Phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi

Tầm nhìn của Công ty là trở thành công ty vật liệu xây dựng với quy mô toàn quốc. Trong đó hoạt động cốt lõi là sản xuất cung ứng và kinh doanh thương mại các sản phẩm vật liệu xây dựng, bắt đầu từ các sản phẩm cơ bản như gạch, sơn, ván ép đạt chất lượng tốt và bền chắc nhất, xây dựng

uy tín trên thị trường. Về dài hạn, công ty sẽ tận dụng cơ hội tiến tới các sản phẩm vật liệu xây dựng cao cấp trong tương lai.

Công ty cũng tìm kiếm các cơ hội phát triển vừa đảm bảo nguồn thu hợp lý, vừa đảm bảo có ích cho cộng đồng và xã hội. Đơn cử trong năm 2018, thông qua hoạt động thu mua nông sản, công ty thu thêm lợi nhuận và đã hỗ trợ được nhiều bà con nông dân. Công ty cũng tận dụng cơ hội tài chính tạo dựng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh cốt lõi về vật liệu xây dựng.

Phát triển thị trường đầu ra

Hiện tại, với các thị trường đã có hệ thống phân phối của công ty là khu vực miền Bắc và Bắc Trung Bộ, bao gồm Hòa Bình, Hà Nội, Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình, công ty đã đạt được uy tín đối với sản phẩm gạch. Công ty sẽ đặt trọng tâm tăng hiệu quả sản xuất, tăng năng suất lao động và tiết giảm chi phí để có lợi nhuận tốt hơn cho doanh nghiệp.

Trong trung và dài hạn, với việc hợp tác cùng công ty vật liệu xây dựng tại các tỉnh miền trong, cũng như hoạt động tìm kiếm địa bàn sản xuất tại các tỉnh là Hà Tĩnh, Nha Trang và Bình Định, công ty dự kiến tiến tới mở rộng chuỗi cung ứng gạch và sơn cho các tỉnh miền Nam và Nam Trung Bộ.

Khách hàng của công ty có 35% là các công trình dự án lớn và 65% là các hộ dân cư. Với tỷ lệ thị trường hiện tại, công ty có thể tăng thêm nguồn thu từ việc cung cấp gạch cho các dự án lớn đã có kế hoạch xây dựng như FLC Quảng Bình, các công trình lớn tại Hà Nội và Thái Bình, những địa bàn hiện đang thu hút đầu tư xây dựng nhiều. Công ty cũng sẽ tăng mạnh doanh số thu từ các hộ dân cư khi thành công trong việc mở rộng thị trường miền Nam Trung Bộ.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có).

Công ty hiện không có tranh chấp, tố tụng với bất kỳ bên nào.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

Dưới đây là thành viên hội đồng quản trị của công ty

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Trần Thị Thúy	Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành
2	Nguyễn Công Nam	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
3	Trần Thế Anh	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

Một số thông tin về các thành viên Hội đồng quản trị của công ty:

Bà Trần Thị Thúy – Chủ tịch HĐQT

- **Thông tin chung**

- Ngày sinh: 26/09/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: C211 – Tòa nhà The Manor – Đường Mễ trì – Nam từ liêm – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

- **Quá trình công tác**

- Từ 1986 đến 1991 công tác tại công ty vật tư nông nghiệp Hải phòng
- Từ năm 1991 đến 1997 công tác tại Công ty Đay Thái Bình
- Từ 1997 – 2006: Công tác tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Từ 2006 – 2009: Công tác tại công ty chứng khoán chứng khoán Vpbank
- Từ 2009 - nay công tác tại Công ty chứng khoán SSI.

Ông Nguyễn Công Nam

- **Thông tin chung**

- Ngày sinh: 07/03/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: C211 – Tòa nhà The Manor – Đường Mễ trì – Nam từ liêm – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- **Quá trình công tác**

- Từ 1984 đến 1993 công tác tại Ngân hàng Nông nghiệp Thái Bình
- Từ 1993 – 2000: Công tác tại Ngân hàng VPBank
- Từ 2000 – 2017: Công tác tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam VDB
- Từ 2017 – nay công tác tại công ty Vật Liệu xây dựng FLC

 Ông Trần Thế Anh

- **Thông tin chung**

- Ngày sinh: 19/8/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: P405 D5 Lô C KĐT Dịch Vọng Hậu, P Dịch Vọng, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật học

- **Quá trình công tác**

- Từ 1999 – 2000 Luật sư CTCP xuất nhập khẩu Thái Bình – CN Hà Nội.
- Từ 2000 -2013 Luật sư - Trưởng đại diện công ty Minh Phương – Văn Phòng Hà Nội.
- 4/2013 – nay Làm tại tập đoàn FLC qua các vị trí: Phó TGDDCTCP tập đoàn FLC; Giám đốc CTTNHH một thành viên FLC Land; Ban Kiểm soát CTCP Nông dưọc Hai; Thành viên HĐQT CTCP đầu tư liên doanh quốc tế KLF;

2. Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Đạt	Kiểm soát Trưởng
2	Lê Thị Rinh	Kiểm soát viên
3	Nguyễn Thị Thu Hương	Kiểm soát viên

+ Ông Nguyễn Văn Đạt

- **Thông tin chung**

- Ngày sinh: 20 /10/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Xã Hoàng Lý, Huyện Hoàng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
 - Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học Tài chính kế toán; Bằng kế toán trưởng

- **Quá trình công tác**

Từ 3/1993 -6/2007: Làm việc tại Công ty thuốc lá Thanh Hóa – Kế toán

Từ 7/2007 -11/2007: Chi cục đề điều và phòng chống bảo lụt Thanh hóa

Từ 12/2007 – 2/2010: Làm việc tại Công ty TNHH Công nghệ truyền thông Viettel Mai Linh

Từ 2/2010 – 5/2011: Làm việc tại Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel

Từ 6/2011 -6/2017: Hành nghề kế toán kiểm toán độc lập

Từ 7/2017 – nay: Làm việc tại Công ty cổ phần vật Liệu xây dựng FLC

+ Bà Lê Thị Rinh

- **Thông tin chung**

- Ngày sinh: 21/7/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Thị Trấn Đông Hưng, Huyện Đông Hưng, Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân

- **Quá trình công tác**

- Từ 1987-2018: Công tác tại Phòng Tài chính Huyện Đông Hưng Thái Bình
- Nay đã nghỉ hưu và tham gia Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần vật Liệu xây dựng FLC

 Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- **Thông tin chung**

- Ngày sinh: 28/03/1994
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Thị Trấn Đông Hưng, Huyện Đông Hưng, Thái Bình

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Học viên Ngân hàng

- **Quá trình công tác**

- Từ 2016- nay Công tác tại Phòng Kế toán Công ty cổ phần vật Liệu xây dựng FLC

3. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Lâm Đức Toàn	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Công Nam	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Văn Bắc	Giám đốc Sản xuất
4	Lê Văn Minh	Giám đốc kinh doanh
5	Lê Trọng Thể	Kế Toán Trưởng kiêm Giám đốc Quản trị

 Ông Lâm Đức Toàn

- **Thông tin chung**

- Ngày sinh: 25/10/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số nhà 34, Đào Đức Thông, P. Trường Thi, TP Thanh Hóa

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học mỏ địa chất

- **Quá trình công tác**

- Từ 7/1995 -5/2006 : Làm việc tại Viện quy hoạch và thiết kế xây dựng Thanh Hóa; Công ty tư vấn xây dựng Thanh Hóa; Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng VINACONEX
- Từ 11/2006 – 6/2008: Trưởng Phòng LAS - XD 464 CTCP Tư vấn và đầu tư xây dựng Tây Đô
- Từ 7/2008 -8/2016: Giám đốc CTCP Tư vấn Địa kỹ thuật và TKXD G.tech
- Từ 9/2016 –nay: Phó TGD - TGD CTCP vật Liệu xây dựng FLC

 Ông Nguyễn Công Nam

- **Thông tin chung**

- Ngày sinh: 07/03/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: C211 – Tòa The Manor – Đường mễ Trì, P Mỹ đình 1 – Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- **Quá trình công tác**

- Từ 1984 -1993 Làm việc tại Ngân Hàng Nông nghiệp Thái Bình
- Từ 1993 – 2000: Công tác tại Ngân hàng VPBank
- Từ 2000 – 2017: Công tác tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam VDB
- Từ 2017 – nay : Làm việc tại Công ty cổ phần Vật Liệu xây dựng FLC

 Ông Trần Văn Bắc

- **Thông tin chung**

- Ngày sinh:07/12/1979
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: xã Tràng an, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam;
- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Trung cấp thủy lợi

- **Quá trình công tác**

Từ 2005 – 2009: Làm việc tại Phòng thủy lợi Lào Cai – Tỉnh Lào Cai

Từ 2009 -2017: Phó Giám đốc công ty cổ phần gạch Đại Hoàng

Từ 2017 – nay: Giám đốc sản xuất CTCP Vật Liệu xây dựng FLC

 Ông Lê Văn Minh

- **Thông tin chung**

- Ngày sinh: 20/10/1988
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Thôn Quyết Thắng, Xã Châu lộc H. Hậu lộc, Tỉnh Thanh hóa
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông Lâm Nghiệp

- **Quá trình công tác**

Từ 2014 – 2015: Nghiên cứu viên Đại học Nông Lâm Huế

Từ 2015 -2016: Nhân viên Kinh doanh Tập đoàn mayora

Từ 2016 – nay: CTCP Vật liệu xây dựng FLC – Giám đốc kinh doanh

 Ông Lê Trọng Thế

- **Thông tin chung**

- Ngày sinh: 10/09/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Liền kề 6 – Khu nhà ở Viện Bỏng – Tân Triều – Thanh Trì – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành tài chính kế toán

- **Quá trình công tác**

Từ 2007 – 2016: Trưởng Ban Tài chính – Viện Bỏng quốc gia

Từ 2016 – 2018: Trợ lý XDCB – Học viện Quân Y

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.

Với mục tiêu tăng trưởng bền vững, lâu dài và ổn định, Công ty áp dụng, nâng cao chất lượng quản trị công ty thông qua nhiều phương thức, bao gồm xây dựng và thực hiện Điều lệ Công ty trên cơ sở điều lệ mẫu áp dụng cho công ty đại chúng theo Điều 3 Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017, ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty trên cơ sở quy chế mẫu theo Điều 4 Thông tư số 95/2017/TT-BTC. Bên cạnh đó, Công ty có kế hoạch tăng cường công tác quản lý nội bộ bằng việc ban hành những quy trình hoạt động, hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của từng thành viên trong bộ máy.

Cụ thể, công ty sẽ triển khai:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân;
- Tăng cường chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý
- Chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát, quản trị doanh nghiệp đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn công ty.
- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp; hoàn thiện và áp dụng các quy trình, phương thức quản trị doanh nghiệp thật sự khoa học, tinh gọn đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với công ty.

III. PHỤ LỤC

1. Điều lệ Công ty
2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016
3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017
4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018
5. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng FLC
6. Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng FLC chốt tại ngày 01/03/2019./.

Ngày 28 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG FLC



TRẦN THỊ THÚY